

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG HỒ  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/DS-ST

Ngày: 23/02/2021

“V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Mai Ka

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Hưng

Ông Nguyễn Văn Trước

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Hồng Cẩm – Thư ký TAND huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long:***  
Không tham gia phiên tòa

Ngày 23 tháng 02 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 239/2020/TLST-DS, ngày 10 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-DS, ngày 06/01/2021 giữa:

Nguyên đơn: **Ngân hàng S;**

Trụ sở: Số 266-268, NK, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng S: **Bà Nguyễn Đức Thạch D;**  
Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Đức Thạch D: **Ông Lê Văn T;**  
Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng S – Chi nhánh Cần Thơ (*Theo Giấy ủy quyền số 3973/2019/GUQ-PL ngày 16/12/2019 của Giám đốc Ngân hàng S*);

Địa chỉ: Số 95 – 97 – 99, đường V, phường T, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của Ông Lê Văn T:

+ **Ông Dương Tấn Đ;** Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng S – Chi nhánh

Cần Thơ (Theo Giấy ủy quyền số 2791/2019/GUQ-CNCT ngày 30/12/2019 của Giám đốc Ngân hàng S – Chi nhánh Cần Thơ) (vắng mặt);

+ **Ông Nguyễn Hoàng Trung T** – Phó phòng giao dịch - Ngân hàng S - Chi nhánh Cần Thơ (Theo Giấy ủy quyền số 2791/2019/GUQ-CNCT ngày 14/10/2020 của Giám đốc Ngân hàng S – Chi nhánh Cần Thơ) (có mặt);

Địa chỉ: Số 95 – 97 – 99, đường V, phường T, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 83/6, ấp A, xã B, huyện Long Hồ, Vĩnh Long.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 14/10/2020, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần (sau đây gọi tắt là TMCP) S có anh Nguyễn Hoàng Trung T trình bày:

Ngày 07/7/2017 anh Nguyễn Văn T có ký với Ngân hàng S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của anh T, Ngân hàng đã đồng ý cấp cho anh T thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi cấp thẻ tín dụng, anh T đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 20.430.000 đồng. Trong quá trình sử dụng từ lúc kích hoạt thẻ cho đến nay anh T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 12.800.000 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng anh T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ngày 28/02/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng)

Nay Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Văn T phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 15.853.003 đồng, nợ lãi quá hạn là 13.455.064 đồng tính đến ngày 11/12/2020, tổng số tiền phải trả là 29.308.067 đồng và anh T phải có trách nhiệm thanh toán nợ lãi phát sinh sau ngày 11/12/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án niêm yết, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 15.853.003 đồng, nợ lãi quá hạn là 14.941.264 đồng tạm tính đến ngày 23/02/2021, tổng số tiền phải trả

là 30.794.267 đồng và anh T phải có trách nhiệm thanh toán nợ lãi phát sinh sau ngày 23/02/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### *[1] Về thủ tục:*

- Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là quan hệ hợp đồng dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự. Do bị đơn anh Nguyễn Văn T cư trú tại ấp A, xã B, huyện Long Hồ, Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân huyện Long Hồ thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự

- Về người tham gia tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án niêm yết, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

#### *[2] Về nội dung:*

Căn cứ Hợp đồng chi tiết sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và văn bản điều khoản, điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng gọi chung là Hợp đồng) đã ký kết ngày 07/7/2017 có căn cứ xác định giữa Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) S và anh Nguyễn Văn T có ký kết hợp đồng tín dụng để vay số tiền là 15.000.0000 đồng. Ngân hàng đã cấp 01 thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, số thẻ là 356480-7888 cho anh T, mục đích để tiêu dùng cá nhân.

Quá trình sử dụng thẻ, anh T đã thực hiện các giao dịch và còn nợ lại Ngân hàng tổng số tiền là 30.794.267 đồng trong đó dư nợ là 15.853.003 đồng, lãi quá hạn là: 14.941.264 đồng tạm tính đến ngày 23/02/2021. Ngân hàng đã nhiều lần có Công văn nhắc nhở nhưng anh T vẫn không thực hiện việc trả nợ. Căn cứ vào thỏa thuận của các bên được quy định tại Điều 23 Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) S, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ nợ gốc 15.853.003 đồng sang nợ quá hạn

Thẻ sử dụng của anh T có thời hạn là 05 năm, lãi suất trong hạn áp dụng khi cấp thẻ là 2,5%/tháng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Khi phát sinh quá hạn, áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất ghi trên hợp đồng tín dụng và tiến hành các biện pháp khởi kiện để thu hồi nợ vay theo quy định. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất*”, vì vậy lãi suất giữa Ngân hàng và anh T thỏa thuận là phù hợp.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Theo khoản 4 Điều 91 Bộ Luật tố tụng dân sự quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Anh T đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình nên Tòa án xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án

Xét thấy bị đơn anh Nguyễn Văn T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng đã ký kết. Vì vậy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 15.853.003 đồng và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 23/02/2021 là 14.941.264 đồng và tiếp tục trả lãi và phí phát sinh tính từ ngày 24/02/2021 trên dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong nợ vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 07/7/2017 và bản Điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Sacombank là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 91; khoản 1, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.539.713 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng S.

1. Buộc bị đơn anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Ngân hàng S số tiền vốn vay, phí và lãi quá hạn tính đến ngày 23/02/2021 tổng cộng là 30.794.267 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 15.853.003 đồng, lãi quá hạn là: 14.941.264 đồng

Ngoài ra anh Nguyễn Văn T phải tiếp tục trả lãi và phí phát sinh tính từ ngày 24/02/2021 trên dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong nợ vay theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 07/7/2017 và bản Điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Sacombank.

## 2. Về án phí:

Bị đơn anh Nguyễn Văn T phải nộp 1.539.713 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng S số tiền 685.000 đồng (Sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006236 ngày 10/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vụ án được xét xử công khai. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết./.

### ***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: 02;
- Chi cục thi hành án DS huyện Long Hồ: 02;
- Đương sự: 02;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã Ký)*

**Ngô Thị Mai Ka**

**Nơi nhận:**

- *TAND tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND huyện Long Hồ;*
- *THADS huyện Long Hồ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Nguyên Khoa**